

Số: /2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định tiêu chí, cách phân bổ điện thoại thông minh thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí, cách phân bổ điện thoại thông minh thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, cách thức phân bổ điện thoại thông minh thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ (quản lý gia đình chính sách), Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân bổ điện thoại thông minh thuộc Chương trình.

#### Điều 3. Cách phân bổ điện thoại thông minh cho các xã, phường

1. Phân bổ số lượng điện thoại thông minh của Chương trình cho các xã, phường trên cơ sở số lượng điện thoại thông minh được Bộ Khoa học và Công nghệ phân bổ cho tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chí ưu tiên được quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Số lượng điện thoại thông minh phân bổ cho các xã, phường (sau đây gọi tắt là xã) được xác định theo công thức sau:

$$M_{\text{đttmpn}} = \frac{M_{\text{đttmin}}}{\sum_{p=1}^t (H_{\text{ncnp}} - M_{\text{mtbpn}} - M_{\text{tkp}})} \times (H_{\text{ncnp}} - M_{\text{mtbpn}} - M_{\text{tkp}})$$

Trong đó:

a)  $M_{\text{đttmpn}}$ : Là số lượng (cái) điện thoại thông minh của Chương trình phân bổ cho xã p trong năm n.

b)  $M_{\text{đttmin}}$ : Là số lượng điện thoại thông minh của Chương trình phân bổ cho tỉnh i trong năm n.

c)  $H_{\text{ncnp}}$ : Số lượng hộ nghèo, cận nghèo của xã p.

d)  $M_{\text{mtbpn}}$ : Là số lượng máy tính bảng và số lượng điện thoại thông minh của Chương trình này đã phân bổ cho xã p tính đến thời điểm phân bổ điện thoại thông minh.

đ)  $M_{\text{tkp}}$ : Là số lượng máy tính, máy tính bảng đã hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo xã p từ các nguồn khác thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” tính từ khi bắt đầu đến thời điểm phân bổ điện thoại thông minh.

e) t: Là số xã có hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 4. Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ và tiêu chí ưu tiên hộ gia đình được nhận điện thoại thông minh**

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 được nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh theo thứ tự sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách người có công với cách mạng.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định.

4. Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ thuộc xã đặc biệt khó khăn theo quy định.

5. Hộ nghèo.

6. Hộ cận nghèo.

## **Điều 5. Công tác xét chọn, đề xuất danh sách hộ gia đình được nhận điện thoại thông minh tại cấp xã**

1. Căn cứ điều kiện được hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2022, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ điện thoại thông minh tại cấp xã.

b) Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Điều 4 Quyết định này, lập danh sách hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ điện thoại thông minh thuộc Chương trình theo Phụ lục I Quyết định này gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra danh sách, kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ điện thoại thông minh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi nhận được quyết định phân bổ điện thoại thông minh cho tỉnh của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quyết định này.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, hộ gia đình thoát hộ nghèo, thoát cận nghèo qua kết quả rà soát hàng năm theo quy định để phục vụ công tác quản lý thực hiện Chương trình.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập trên địa bàn tỉnh sau mỗi kỳ rà soát theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao hỗ trợ điện thoại thông minh; Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả thực hiện việc hỗ trợ điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Nội vụ phối hợp, cung cấp danh sách, thông tin về hộ gia đình chính sách cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp, cung cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ danh sách thiết bị phục vụ học tập của học sinh con hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn đã được hỗ trợ thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

#### 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Cung cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và danh sách đưa ra khỏi hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát, công bố định kỳ theo quy định để phục vụ công tác quản lý hỗ trợ đối tượng được sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

b) Tháng đầu hằng quý, cung cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ danh sách biến động về hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát theo quy định (nếu có).

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.

#### 5. Sở Tài chính

a) Bố trí ngân sách tỉnh cho công tác quản lý nhà nước về viễn thông để bảo đảm nguồn kinh phí quản lý thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.

#### 6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ điện thoại thông minh trên địa bàn xã; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện Chương trình tại địa phương.

b) Tổng hợp, lập danh sách các hộ gia đình nhận hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh đến Sở Khoa học và Công nghệ; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

#### 7. Hộ gia đình được nhận điện thoại thông minh

a) Tạo điều kiện để học sinh là thành viên trong hộ gia đình được sử dụng điện thoại thông minh phục vụ học tập; sử dụng điện thoại thông minh trong hộ gia đình để khai thác thông tin phục vụ phát triển kinh tế và thông tin thiết yếu khác trên mạng Internet theo nhu cầu.

b) Lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng điện thoại thông minh và phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ, thủ tục phát triển thuê bao, thay đổi dịch

vụ sử dụng, tạm dừng, đưa thuê bao ra khỏi danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định.

### **Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như khoản 2 Điều 7;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (cập nhật CSDLQGVPL);
- Trung tâm TTĐH-VP.UBND tỉnh (đăng công báo);
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quỳnh Thiện**

## Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

UBND xã/phường ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ TRANG BỊ ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH

Năm: ...

STT	Mã xã	Tên xã	Họ và tên chủ hộ	CMND/CCCD/CC Mã số định danh của chủ hộ	Địa chỉ	Đối tượng hộ gia đình	Ghi chú
A	B	C	D	I	2	3	4

#### Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.
- Cột (B): Ghi mã xã theo quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (C): Ghi tên xã theo quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025. Trường hợp địa phương sáp nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.
- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số căn cước hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.
- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, ấp, khóm,...
- Cột (3) Đối tượng hộ gia đình được ghi như sau:
  - + ĐT1: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách có công với cách mạng.
  - + ĐT2: Là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời là hộ gia đình chính sách xã hội.
  - + ĐT3: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ đồng bào dân tộc thiểu số.
  - + ĐT4: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là hộ thuộc xã đặc biệt khó khăn.
  - + ĐT5: Là hộ nghèo (không thuộc ĐT1, ĐT2, ĐT3, ĐT4).
  - + ĐT6: Là hộ cận nghèo (không thuộc ĐT1, ĐT2, ĐT3, ĐT4).